

Số: /KH-UBND

Xuân Trường, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện các Quyết định ban hành Chương trình dân số và phát triển của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn xã Xuân Trường đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 11/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Thực hiện các Quyết định ban hành Chương trình dân số và phát triển của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, UBND xã Xuân Trường xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về truyền thông, tư vấn, chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển được phê duyệt, ban hành tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phù hợp tình hình thực tế tại xã, phù hợp chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý dân số, nâng cao chất lượng dân số, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị phát huy trách nhiệm, lồng ghép thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch, dự án liên quan của đơn vị mình, góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của xã.

- Kế hoạch thực hiện Chương trình dân số và phát triển đến năm 2030 được tuyên truyền, phổ biến đến các cơ quan, đơn vị, các ngành, nhất là đội ngũ cán bộ y tế, cán bộ làm công tác dân số.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu 1: Chương trình Truyền thông dân số

- Phấn đấu 100% cấp ủy, chính quyền được phổ biến, cập nhật thông tin và ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình Truyền thông dân số;

- 95% các cặp vợ chồng; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; ông, bà; cha, mẹ được cung cấp thông tin về quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt, hệ lụy của mức sinh cao, lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai, hiệu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Vị thành niên/thanh niên (VTN/TN); nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (DS, SKSS/KHHGD) như: Các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai

ngoài ý muốn,... đạt 90%; các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi đạt 95%;

- 95% nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; 95% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh;

- Phần đầu 90% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện tuyên truyền về DS, SKSS/KHHGD thông qua việc lồng ghép các nội dung vào các môn học chính khóa và ngoài giờ lên lớp phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo;

- Thường xuyên tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ, bình đẳng giới trên loa truyền thanh, trang thông tin điện tử xã và các mạng xã hội phổ biến tại địa phương như facebook, zalo,...

2. Mục tiêu 2: Chương trình điều chỉnh mức sinh

Tổng tỉ suất sinh (số con sinh ra sống/1 phụ nữ) đạt 2,1 con.

3. Mục tiêu 3: Chương trình chăm sóc người cao tuổi

- 85% người cao tuổi (NCT) hoặc người thân trực tiếp chăm sóc NCT biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của NCT và biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở NCT, kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ;

- Phần đầu 100% NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm và được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe;

- 90% NCT được phát hiện, điều trị, quản lý các bệnh không lây nhiễm (ung thư, tim mạch, tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, sa sút trí tuệ...);

- 90% NCT có khả năng tự chăm sóc được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe; Phần đầu 100% NCT không có khả năng tự chăm sóc được chăm sóc sức khỏe bởi gia đình hoặc các cơ sở bảo trợ;

- Phần đầu 100% Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau và các loại hình câu lạc bộ khác của NCT có nội dung chăm sóc sức khỏe;

- Có ít nhất 01 câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT, 01 đội tình nguyện viên tham gia chăm sóc sức khỏe NCT.

- 100% NCT khi bị bệnh được khám và điều trị;

- 80% NCT cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế, được khám và điều trị tại nơi ở;

- Phần đầu đạt tiêu chí môi trường thân thiện với NCT.

4. Mục tiêu 4: Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Phần đầu 100% Trạm Y tế hàng năm tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện kế hoạch hoá gia đình (KHHGĐ), sử dụng các biện pháp tránh thai; tuyên truyền về hệ lụy của nạo phá thai, nhất là đối với VTN/TN;
- Phần đầu 90% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; Trên 70% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại;
- Giảm 70% số VTN/TN có thai ngoài ý muốn;
- Trạm Y tế triển khai cung cấp dịch vụ KHHGĐ, cung cấp các biện pháp tránh thai theo quy định;
- Cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định (gồm khu vực ngoài công lập).

5. Mục tiêu 5: Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh

- 90% cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, không có trường hợp tảo hôn;
- 70% phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất (bao gồm: Hội chứng Down, hội chứng Edwards, hội chứng Patau và bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia);
- 90% trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất (bao gồm: Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, bệnh thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh và bệnh tim bẩm sinh);
- 95% cán bộ dân số xã, cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn bản được tập huấn kiến thức, kỹ năng truyền thông về test, chẩn đoán, sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh; 100% cán bộ y tế trực tiếp thực hiện kỹ thuật lấy mẫu máu gót chân được tập huấn và tập huấn lại;
- Trạm Y tế xã có điểm cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn.

6. Mục tiêu 6: Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

- 100% thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa;
- 100% cán bộ dân số tham gia thu thập thông tin, vận hành kho dữ liệu được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; xử lý, khai thác, lưu trữ số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.
- Xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số đạt 100%.

7. Mục tiêu 7: Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

Không chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỉ số giới tính khi sinh, tiến tới đưa tỉ số giới tính khi sinh trở lại mức cân bằng tự nhiên góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phấn đấu đưa tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của việc duy trì mức sinh thay thế; lợi ích của kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; giá trị, quyền bình đẳng của trẻ em gái và không thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi; kỹ năng thực hành về các vấn đề liên quan đến tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của vị thành niên, thanh niên và đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc giáo dục về DS, SKSS/KHHGD cho VTN/TN nhằm giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở nhóm đối tượng này; nâng cao nhận thức, tạo môi trường đồng thuận và tích cực tham gia của toàn xã hội vào phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi; khuyến khích doanh nghiệp tạo môi trường làm việc an toàn, phù hợp cho người lao động lớn tuổi.

2. Phấn đấu đưa mức sinh về mức sinh thay thế. Tạo điều kiện cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

3. củng cố, phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu phòng chống bệnh không lây nhiễm, khám chữa bệnh cho NCT; từng bước xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho NCT.

4. Xây dựng các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT; xây dựng và phát triển mạng lưới tình nguyện viên tham gia chăm sóc sức khỏe NCT; thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe NCT (theo dõi, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe NCT tại nhà), quản lý các bệnh mạn tính, bệnh không lây nhiễm tại gia đình.

5. Tăng số lượng cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD theo hướng dẫn chuyên môn đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định (bao gồm cả khu vực ngoài công lập). Triển khai Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ KHHGD, chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.

6. Đảm bảo các Trạm Y tế có điểm cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh.

7. Xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác dân số. Lồng ghép các mục tiêu công tác dân số vào kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức về công tác dân số dưới nhiều hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng.

2. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong việc thực hiện các chương trình, kế hoạch dân số, chú trọng triển khai hoạt động nâng cao chất lượng dân số, giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe NCT.

3. Phối hợp tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức mới, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng truyền thông bảo đảm đội ngũ cán bộ dân số, cộng tác viên dân số thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động và tham gia cung cấp một số dịch vụ chăm sóc sức khỏe tới tận hộ gia đình.

4. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục.

5. Xây dựng và triển khai các loại hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên tại cộng đồng; phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGĐ. Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

7. Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ KHHGĐ, dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh, huy động hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Áp dụng thực hiện các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật các danh mục bệnh, tật thuộc gói dịch vụ cơ bản theo hướng dẫn, quy định của Bộ Y tế, gồm: Dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

9. Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng thu thập thông tin số liệu đầu vào của cộng tác viên dân số; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả ba hình thức thu thập thông tin; báo cáo định kỳ, điều tra thống kê số liệu công tác dân số.

10. Điều tra, khảo sát về dân số và phát triển; nhân khẩu học và sức khỏe. Phối hợp trong tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, cộng tác viên dân số và trẻ em về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; cập nhật, xử lý, khai thác, lưu trữ số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp.

11. Sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch, nhất là đánh giá giai đoạn đầu thực hiện Kế hoạch để điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn tiếp theo. Kịp thời tuyên dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn hợp pháp khác (nếu có), căn cứ khả năng cân đối ngân sách hằng năm để bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã:

- Tham mưu UBND xã xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã.
- Phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về công tác dân số và phát triển để sớm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra.
- Tăng cường tuyên truyền về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các nội dung liên quan tới công tác dân số và phát triển. Lồng ghép tuyên truyền các nội dung về chính sách dân số và phát triển trong tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, trong công tác gia đình và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.
- Hướng dẫn các thôn, xóm đưa nội dung về chính sách dân số và phát triển vào hương ước, quy ước.

2. Phòng Kinh tế xã:

Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện đúng quy định.

3. Văn phòng HĐND&UBND xã:

Phối hợp với ngành y tế tuyên truyền phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình; trong đó có các nội dung về khám sức khỏe trước khi kết hôn, tình trạng táo bón, hôn nhân cận huyết thống...

4. Các Trường học trên địa bàn:

Căn cứ hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

5. Các Trạm y tế trên địa bàn:

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan tới công tác dân số và trẻ em, KHHGĐ; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh,...
- Phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về công tác dân số và phát triển để sớm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra.
- Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện gửi về UBND xã (qua phòng Văn hóa - Xã hội) trước ngày 05/12 để tổng hợp, báo cáo Sở Y tế tỉnh theo quy định.

6. Các thôn trên địa bàn xã:

- Đưa nội dung về chính sách dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của thôn.
- Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các nội dung liên quan tới công tác dân số và phát triển.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các đoàn thể nhân dân trong xã: Đẩy mạnh tuyên truyền đến các đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, kết quả triển khai thực hiện công tác dân số trên địa bàn xã, tham gia tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Trưởng các thôn nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về UBND xã (qua Phòng VH-XH tổng hợp) để kịp thời chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Thành viên BCD Dân số và Trẻ em;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Tùng